

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SONADEZI LONG BÌNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 1, Đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2,
Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 1, Đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2,
Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho kỳ kế toán 06 tháng
kết thúc vào ngày 30/06/2018

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Chu Thanh Sơn	Chủ tịch
Bà Lương Minh Hiền	Thành viên
Ông Trịnh Cường	Thành viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đặng Hải Bằng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Khả Phương Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Công Hiếu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2018)
Bà Lê Thái Thanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2018)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Lương Minh Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Chuyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Quang Chấn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị



Chu Thanh Sơn
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đồng Nai, ngày 10 tháng 09 năm 2018

Số: 19.156/BCSX-RSM HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG BÌNH**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 09 năm 2018, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



**Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 09 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		305.154.979.684	333.495.700.647
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	68.898.925.792	50.670.253.236
1. Tiền	111		43.898.925.792	8.670.253.236
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	42.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.400.000.000	80.800.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	30.400.000.000	80.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		186.652.190.654	175.867.201.485
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	13.980.941.518	9.909.033.649
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	170.914.685.311	162.370.013.618
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.756.563.825	3.626.289.312
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(38.135.094)
IV. Hàng tồn kho	140		18.796.411.940	22.303.186.390
1. Hàng tồn kho	141	4.6	18.796.411.940	22.303.186.390
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		407.451.298	3.855.059.536
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.15	407.451.298	3.855.059.536
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		555.815.730.272	554.924.314.328
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		91.470.000.000	91.813.336.420
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	343.336.420
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	91.470.000.000	91.470.000.000
II. Tài sản cố định	220		244.386.974.212	246.905.155.493
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	204.861.159.346	206.946.256.730
Nguyên giá	222		651.720.217.541	644.784.044.216
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(446.859.058.195)	(437.837.787.486)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	39.525.814.866	39.958.898.763
Nguyên giá	228		97.067.184.163	96.975.184.163
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(57.541.369.297)	(57.016.285.400)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.9	43.169.932.291	42.213.758.656
1. Nguyên giá	231		63.814.188.200	61.277.694.007
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(20.644.255.909)	(19.063.935.351)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.761.193.025	5.541.369.109
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	5.761.193.025	5.541.369.109
V. Tài sản dài hạn khác	260		171.027.630.744	168.450.694.650
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	166.849.148.491	164.272.212.397
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	4.12	4.178.482.253	4.178.482.253
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		860.970.709.956	888.420.014.975

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		385.045.898.629	375.518.750.474
I. Nợ ngắn hạn	310		164.042.139.387	153.920.652.352
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	14.831.223.359	32.019.455.420
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	44.858.630.576	12.598.056.952
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	5.438.720.781	5.894.311.667
4. Phải trả người lao động	314	4.16	3.018.857.623	7.506.568.306
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.17	18.993.101.150	19.070.373.877
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.18	5.149.575.143	10.305.150.293
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.19	45.465.722.508	1.139.848.269
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.20	1.971.760.000	44.712.206.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.21	24.314.548.247	20.674.681.568
II. Nợ dài hạn	330		221.003.759.242	221.598.098.122
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	4.14	281.318.182	281.318.182
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.18	214.002.844.100	214.002.844.100
3. Phải trả dài hạn khác	337	4.19	6.719.596.960	7.313.935.840
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		475.924.811.327	512.901.264.501
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.22.1	475.924.811.327	512.901.264.501
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.22.2	300.000.000.000	300.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.612.631.906	5.612.631.906
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		62.966.938.949	51.946.122.862
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		107.345.240.472	155.342.509.733
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		58.756.489.624	45.134.348.864
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		48.588.750.848	110.208.160.869
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		860.970.709.956	888.420.014.975



Lương Minh Hiền
 Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 09 năm 2018

Lê Thị Ngọc Sáu
 Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Hoàng
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG BÌNHĐịa chỉ: Số 1, Đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2,
Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.23	160.914.418.266	190.067.393.826
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		160.914.418.266	190.067.393.826
4. Giá vốn hàng bán	11	4.24	95.946.916.614	104.100.293.310
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.967.501.652	85.967.100.516
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.25	2.062.974.917	4.711.183.583
7. Chi phí tài chính	22		-	37.526.000
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	37.526.000
8. Chi phí bán hàng	25		-	12.560.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.26	8.847.873.552	8.503.526.490
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		58.182.603.017	82.124.671.609
11. Thu nhập khác	31		678.472.085	693.024.409
12. Chi phí khác	32		96.641	8.835.161
13. Lợi nhuận khác	40		678.375.444	684.189.248
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		58.860.978.461	82.808.860.857
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.28	10.272.227.613	15.572.103.820
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		48.588.750.848	67.236.757.037
17. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	4.22.5	1.620	2.241



Lương Minh Hiền
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 09 năm 2018

Lê Thị Ngọc Sáu
Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Hoàng
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		58.860.978.461	82.808.860.857
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.27	11.126.675.164	10.780.730.207
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.062.974.917)	(4.888.722.219)
Chi phí lãi vay	06		-	37.526.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		67.924.678.708	88.738.394.845
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(939.025.747)	(92.757.760.059)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.506.774.450	20.052.455.564
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		17.789.649.140	72.047.057.860
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.576.936.094)	(4.667.675.498)
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(37.526.000)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.220.975.823)	(15.647.637.961)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.950.000	5.445.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.927.287.343)	(5.066.530.803)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		68.558.827.291	62.666.222.948
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(32.052.095.763)	(25.592.710.964)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	177.538.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(67.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		50.400.000.000	22.700.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.062.387.028	4.991.382.416
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		22.410.291.265	(65.523.789.912)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG BÌNHĐịa chỉ: Số 1, Đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2,
Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.29	3.973.716.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.30	(46.714.162.000)	(780.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(72.740.446.000)	(30.780.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		18.228.672.556	(33.637.566.964)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		50.670.253.236	192.188.887.294
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	4.1	68.898.925.792	158.551.320.330



Lương Minh Hiến
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 09 năm 2018

Lê Thị Ngọc Sáu
Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Hoàng
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định số 4391/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp dịch vụ Khu công nghiệp Sonadezi thuộc Công ty phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa (nay là Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp);
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3601867699 ngày 01 tháng 07 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 05 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 300.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Quý đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai	237.000.000.000	79%	237.000.000.000	79%
Cổ đông khác	9.000.000.000	3%	9.000.000.000	3%
Cộng	300.000.000.000	100%	300.000.000.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 1, Đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 97 (31/12/2017: 96 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh cơ sở hạ tầng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoàn thiện xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Vệ sinh nhà cửa và công trình khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Hoạt động tư vấn quản lý.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	18.932.661	25.666.303
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.879.993.131	8.644.586.933
Các khoản tương đương tiền (*)	25.000.000.000	42.000.000.000
Cộng	<u>68.898.925.792</u>	<u>50.670.253.236</u>

(*) Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại các ngân hàng, lãi suất từ 4,3%/năm đến 4,8%/năm.

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 11 tháng đến 15 tháng, được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	19.400.000	19.400.000	19.400.000	19.400.000
Quý đầu tư Tỉnh Đồng Nai	6.000.000	6.000.000	13.000.000	13.000.000
Ngân hàng NN & PTNT - Phòng giao dịch An Phước	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đồng Nai	-	-	23.400.000	23.400.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Đồng Nai	-	-	20.000.000	20.000.000
Cộng	<u>30.400.000</u>	<u>30.400.000</u>	<u>80.800.000</u>	<u>80.800.000</u>

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại ngày 30/06/2018 - Xem thêm mục 4.20.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu từ khách hàng		
Công ty TNHH Con Cò Vàng	2.667.733.119	4.153.800
Công ty TNHH Sản phẩm máy tính Fujitsu Việt Nam	1.722.371.560	1.739.389.260
Các khách hàng khác	9.515.488.839	7.983.307.819
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 4.31	75.348.000	182.182.770
Cộng	<u>13.980.941.518</u>	<u>9.909.033.649</u>

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trung tâm Phát triển Quỹ đất - Huyện Vĩnh Cửu	161.553.863.618	161.553.863.618
Các nhà cung cấp khác	9.050.821.693	816.150.000
Trả trước cho người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 4.31	310.000.000	-
Cộng	<u>170.914.685.311</u>	<u>162.370.013.618</u>

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tạm nộp thuế TNDN kinh doanh bất động sản	189.272.193	-	125.980.569	-
Tạm ứng	170.495.000	-	104.100.000	-
Ký quỹ cho bên liên quan - Xem thêm mục 4.31	548.116.632	-	548.116.632	-
Dự thu lãi tiền gửi	847.880.000	-	2.847.292.111	-
Phải thu khác	800.000	-	800.000	-
Cộng	<u>1.756.563.825</u>	<u>-</u>	<u>3.626.289.312</u>	<u>-</u>
Dài hạn:				
Phải thu Công ty ICD Tân Cảng Long Bình về khoản góp vốn hợp tác kinh doanh ICD Tân Cảng Long Bình	91.470.000.000	-	91.470.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Đây là khoản góp vốn hợp tác kinh doanh ICD Tân Cảng Long Bình theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 485/HD-ICDLB-SZB ngày 21 tháng 9 năm 2013, Phụ lục số 485/HD-ICDLB-SZB/PL1 ngày 08 tháng 05 năm 2014 và Phụ lục số 485/HD-ICDLB-SZB/PL2 ngày 15 tháng 06 năm 2015, Công ty hợp tác với Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình để thực hiện dự án đầu tư, xây dựng kho tại khu đất ICD Tân Cảng Long Bình và thực hiện các hoạt động kinh doanh dịch vụ kho và các giá trị gia tăng liên quan đến dịch vụ kho với thời gian thực hiện dự án là 45 năm kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2013. Tổng mức đầu tư của dự án là 323.409.000.000 đồng, trong đó vốn tự có của dự án là 186.673.000.000 đồng, Công ty đã góp đủ 49% vốn tự có của dự án.

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	135.523.365	-	155.339.365	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.660.888.575	-	22.147.847.025	-
<i>Chi phí tiền sử dụng đất</i>				
<i>Khu dân cư Trảng Bom</i>	17.351.010.000		20.236.860.000	
<i>Chi phí hạ tầng Khu dân cư Trảng Bom</i>	256.635.231		679.533.966	
<i>Chi phí đền bù Khu dân cư Trảng Bom</i>	737.930.708		840.666.930	
<i>Các chi phí khác</i>	315.312.636		390.786.129	
Cộng	18.796.411.940	-	22.303.186.390	-

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 1, Đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2,
Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2018	414.353.551.674	4.098.274.437	224.453.506.325	1.878.711.780	644.784.044.216
Mua trong kỳ	-	34.890.000	1.681.810.000	67.300.000	1.784.000.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	1.329.780.891	-	3.822.392.434	-	5.152.173.325
Tại ngày 30/06/2018	415.683.332.565	4.133.164.437	229.957.708.759	1.946.011.780	651.720.217.541
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2018	295.541.315.938	3.415.117.070	137.163.279.301	1.718.075.177	437.837.787.486
Khấu hao trong kỳ	5.373.082.162	127.808.035	3.474.949.647	45.430.865	9.021.270.709
Tại ngày 30/06/2018	300.914.398.100	3.542.925.105	140.638.228.948	1.763.506.042	446.859.058.195
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2018	118.812.235.736	683.157.367	87.290.227.024	160.636.603	206.946.256.730
Tại ngày 30/06/2018	114.768.934.465	590.239.332	89.319.479.811	182.505.738	204.861.159.346

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 210.128.027.860 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2018	96.939.633.053	35.551.110	96.975.184.163
Mua trong kỳ	-	92.000.000	92.000.000
Tại ngày 30/06/2018	<u>96.939.633.053</u>	<u>127.551.110</u>	<u>97.067.184.163</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2018	56.980.734.290	35.551.110	57.016.285.400
Khấu hao trong kỳ	519.097.596	5.986.301	525.083.897
Tại ngày 30/06/2018	<u>57.499.831.886</u>	<u>41.537.411</u>	<u>57.541.369.297</u>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2018	39.958.898.763	-	39.958.898.763
Tại ngày 30/06/2018	<u>39.439.801.167</u>	<u>86.013.699</u>	<u>39.525.814.866</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 34.287.473.199 VND.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Nhà xưởng Texchempack (Lô X)	1.678.229.844	-	-	1.678.229.844
Nhà xưởng Texchempack (Lô Y)	1.277.787.910	-	-	1.277.787.910
Nhà văn phòng VietNamFatt	2.270.100.000	-	-	2.270.100.000
Nhà xưởng VietNamFatt	10.064.815.590	-	-	10.064.815.590
Công trình Huekai	6.170.819.409	-	-	6.170.819.409
Bể chứa nước ngầm 50m3 Textchempack	68.080.841	-	-	68.080.841
Nhà xưởng đường 16A	6.858.015.652	1.936.894.944	-	4.921.120.708
Nhà xưởng Phillips	9.549.943.771	-	-	9.549.943.771
Nhà xưởng mở rộng Bluescope	8.516.106.655	-	-	8.516.106.655
Nhà xưởng đường 19A	8.598.324.777	-	-	8.598.324.777
Nhà xưởng số 1 KCN Thạnh Phú	8.761.963.751	599.599.249	-	8.162.364.502
Cộng	63.814.188.200	2.536.494.193	-	61.277.694.007
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà xưởng Texchempack (Lô X)	962.221.661	43.393.814	-	918.827.847
Nhà xưởng Texchempack (Lô Y)	221.687.452	31.944.698	-	189.742.754
Nhà văn phòng VietNamFatt	1.253.737.876	54.938.494	-	1.198.799.382
Nhà xưởng VietNamFatt	5.519.392.692	245.261.834	-	5.274.130.858
Công trình Huekai	5.973.275.957	79.017.382	-	5.894.258.575
Bể chứa nước ngầm 50m3 Textchempack	58.531.193	909.490	-	57.621.703
Nhà xưởng đường 16A	2.620.151.756	221.399.606	-	2.398.752.150
Nhà xưởng Phillips	1.256.229.250	238.748.594	-	1.017.480.656
Nhà xưởng mở rộng Bluescope	987.728.764	212.902.666	-	774.826.098
Nhà xưởng đường 19A	635.451.537	214.958.120	-	420.493.417
Nhà xưởng số 1 KCN Thạnh Phú	1.155.847.771	236.845.860	-	919.001.911
Cộng	20.644.255.909	1.580.320.558	-	19.063.935.351
Giá trị còn lại:				
Nhà xưởng Texchempack (Lô X)	716.008.183			759.401.997
Nhà xưởng Texchempack (Lô Y)	1.056.100.458			1.088.045.156
Nhà văn phòng VietNamFatt	1.016.362.124			1.071.300.618
Nhà xưởng VietNamFatt	4.545.422.898			4.790.684.732
Công trình Huekai	197.543.452			276.560.834
Bể chứa nước ngầm 50m3 Textchempack	9.549.648			10.459.138
Nhà xưởng đường 16A	4.237.863.896			2.522.368.558
Nhà xưởng Phillips	8.293.714.521			8.532.463.115
Nhà xưởng mở rộng Bluescope	7.528.377.891			7.741.280.557
Nhà xưởng đường 19A	7.962.873.240			8.177.831.360
Nhà xưởng số 1 KCN Thạnh Phú	7.606.115.980			7.243.362.591
Cộng	43.169.932.291			42.213.758.656

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị đang ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG BÌNHĐịa chỉ: Số 1, Đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2,
Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ kế toán 06 tháng
kết thúc vào ngày 30/06/2018**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Xây dựng cơ bản dở dang:		
Xây dựng cơ bản:		
Công trình Khu công nghiệp Gò Dầu	1.726.896.661	1.653.030.500
Công trình Khu công nghiệp Biên Hòa 2	2.574.153.735	2.373.632.511
Công trình Khu công nghiệp Thạnh Phú	728.298.306	702.692.895
Sửa chữa lớn TSCĐ	731.844.323	812.013.203
Cộng	<u>5.761.193.025</u>	<u>5.541.369.109</u>

4.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền thuê đất Khu công nghiệp Châu Đức	38.304.356.257	38.779.242.895
Tiền thuê đất Khu công nghiệp Biên Hòa 2 (*)	18.908.403.533	19.251.877.445
Tiền thuê đất Khu công nghiệp Gò Dầu (*)	16.833.607.475	17.139.294.641
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án Khu công nghiệp Thạnh Phú	62.894.205.933	58.336.986.568
Chi phí hạ tầng Khu công nghiệp Xuân Lộc	4.267.418.961	4.323.559.913
Công cụ, dụng cụ	187.877.493	240.448.400
Các khoản khác	25.453.278.839	26.200.802.535
Cộng	<u>166.849.148.491</u>	<u>164.272.212.397</u>

4.12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Là khoản liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ về tiền thuê đất Khu công nghiệp Gò Dầu trích bổ sung cho giai đoạn 2006 - 2015.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG BÌNHĐịa chỉ: Số 1, Đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2,
Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ kế toán 06 tháng
kết thúc vào ngày 30/06/2018**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.13. Phải trả người bán**

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán				
Công ty TNHH Tiên Triết	1.861.894.691	1.861.894.691	3.067.926.991	3.067.926.991
Trung tâm Phát triển Quý đất - Huyện Vĩnh Cửu	1.389.884.333	1.389.884.333	1.389.884.333	1.389.884.333
Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới	1.351.009.800	1.351.009.800	613.210.500	613.210.500
Các đối tượng khác	7.715.948.856	7.715.948.856	24.206.513.676	24.206.513.676
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 4.31	2.512.485.679	2.512.485.679	2.741.919.920	2.741.919.920
Cộng	14.831.223.359	14.831.223.359	32.019.455.420	32.019.455.420

4.14. Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Ông Mạch Đức Định	6.496.085.453	1.624.021.363
Ông Nguyễn Hiệp Hoa	4.975.387.273	1.492.616.182
Các đối tượng khác	33.387.157.850	9.481.419.407
Cộng	44.858.630.576	12.598.056.952
Dài hạn:		
Các đối tượng khác	281.318.182	281.318.182

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.15. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Khoản mục	Tại ngày 30/06/2018 VND	Số phát sinh VND	Số được khấu trừ VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu:				
Thuế giá trị gia tăng	407.451.298	5.685.241.783	(9.132.850.021)	3.855.059.536
Khoản mục	Tại ngày 30/06/2018 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	-	4.380.647.293	(4.380.647.293)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.362.549.781	10.335.519.237	(10.220.975.823)	5.248.006.367
Thuế thu nhập cá nhân	76.171.000	901.943.211	(1.472.077.511)	646.305.300
Tiền thuế đất	-	3.260.102.647	(3.260.102.647)	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	6.370.787	(6.370.787)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	12.601.851	(12.601.851)	-
Cộng	<u>5.438.720.781</u>	<u>18.897.185.026</u>	<u>(19.352.775.912)</u>	<u>5.894.311.667</u>

4.16. Phải trả người lao động

Là quỹ tiền lương còn phải trả người lao động.

4.17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trích trước tiền thuế đất Khu công nghiệp Gò Dầu giai đoạn 2006 - 2015	18.993.101.150	18.993.101.150
Khác	-	77.272.727
Cộng	<u>18.993.101.150</u>	<u>19.070.373.877</u>

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.18. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Doanh thu nhận trước cho thuê đất và phí sử dụng mặt bằng	5.149.575.143	10.299.150.293
<i>Khu công nghiệp Biên Hòa 2</i>	1.667.651.029	3.335.302.058
<i>Khu công nghiệp Gò Dầu</i>	2.529.605.692	5.059.211.388
<i>Khu công nghiệp Thạnh Phú</i>	933.072.199	1.866.144.400
<i>Khu công nghiệp Xuân Lộc</i>	19.246.223	38.492.447
Doanh thu nhận trước khác	-	6.000.000
Cộng	5.149.575.143	10.305.150.293
Dài hạn:		
Doanh thu nhận trước cho thuê đất và phí sử dụng mặt bằng	214.002.844.100	214.002.844.100
<i>Khu công nghiệp Biên Hòa 2</i>	49.214.808.283	49.214.808.283
<i>Khu công nghiệp Gò Dầu</i>	111.342.860.026	111.342.860.026
<i>Khu công nghiệp Thạnh Phú</i>	52.004.916.727	52.004.916.727
<i>Khu công nghiệp Xuân Lộc</i>	1.440.259.064	1.440.259.064
Cộng	214.002.844.100	214.002.844.100

4.19. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức phải trả	45.000.000.000	-
<i>Cổ tức phải trả các bên liên quan</i>		
- <i>Xem thêm mục 4.31</i>	43.312.213.500	-
<i>Cổ tức phải trả cho các đối tượng khác</i>	1.687.786.500	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	394.593.892	1.079.910.563
Các khoản phải trả, phải nộp khác	71.128.616	59.937.706
Cộng	45.465.722.508	1.139.848.269
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ dài hạn thuê nhà xưởng	6.550.626.960	7.102.965.840
Các khoản ký quỹ khác	168.970.000	210.970.000
Cộng	6.719.596.960	7.313.935.840

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 140/2017/5331995/HĐTD ngày 06 tháng 10 năm 2017 để thanh toán khoản bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Khu công nghiệp Thạnh Phú; thời hạn vay 05 tháng với lãi suất 5,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn - Xem thêm mục 4.2.

4.21. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2018	20.674.681.568
Trích lập trong kỳ	10.565.204.022
Tăng khác	1.950.000
Sử dụng trong kỳ	(6.927.287.343)
Tại ngày 30/06/2018	<u>24.314.548.247</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 1, Đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2,
Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.22. Vốn chủ sở hữu****4.22.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2017	300.000.000.000	5.612.631.906	55.578.741.488	56.501.730.237	417.693.103.631
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	67.236.757.037	67.236.757.037
Số dư tại ngày 30/06/2017	300.000.000.000	5.612.631.906	55.578.741.488	123.738.487.274	484.929.860.668
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	42.971.403.832	42.971.403.832
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	(3.632.618.626)	3.632.618.626	-
Chia cổ tức	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Tặng khác	-	-	-	1	1
Số dư tại ngày 01/01/2018	300.000.000.000	5.612.631.906	51.946.122.862	155.342.509.733	512.901.264.501
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	48.588.750.848	48.588.750.848
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	11.020.816.087	(11.020.816.087)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(10.565.204.022)	(10.565.204.022)
Trích bổ sung cổ tức 2017 theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông	-	-	-	(45.000.000.000)	(45.000.000.000)
Chi tạm ứng cổ tức năm 2017	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Tại ngày 30/06/2018	300.000.000.000	5.612.631.906	62.966.938.949	107.345.240.472	475.924.811.327

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.22.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Cổ đông sáng lập và cổ đông chiến lược	246.000.000.000	246.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	237.000.000.000	237.000.000.000
Quý đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai	9.000.000.000	9.000.000.000
Cổ đông khác	54.000.000.000	54.000.000.000
Cộng	<u>300.000.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>

4.22.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu kỳ	300.000.000.000	300.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	300.000.000.000	300.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)

4.22.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.000.000	30.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.22.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	48.588.750.848	67.236.757.037
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	48.588.750.848	67.236.757.037
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.620</u>	<u>2.241</u>

(*) Đến ngày 30/06/2018, Đại hội cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông thì lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cho thuê đất và kinh doanh hạ tầng	90.131.781.540	84.921.090.292
Doanh thu kinh doanh nước	44.270.028.610	43.533.571.020
Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng và nhà máy xử lý nước thải	11.273.458.175	12.118.924.065
Doanh thu kinh doanh nhà	7.507.804.544	44.195.198.198
Doanh thu góp vốn hợp tác kinh doanh Kho ICĐ	7.731.345.397	5.298.610.251
Cộng	<u>160.914.418.266</u>	<u>190.067.393.826</u>
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan - Xem thêm mục 4.31	3.734.986.280	3.422.863.570

4.24. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn cho thuê đất và kinh doanh hạ tầng	44.947.080.040	34.925.327.967
Giá vốn kinh doanh nước	42.531.512.336	41.628.627.387
Giá vốn cho thuê văn phòng, nhà xưởng và nhà máy xử lý nước thải	3.783.525.200	4.284.757.610
Giá vốn kinh doanh nhà	4.684.799.038	23.261.580.346
Cộng	<u>95.946.916.614</u>	<u>104.100.293.310</u>

4.25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền có kỳ hạn	2.036.150.341	4.672.799.281
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	26.824.576	38.384.302
Cộng	<u>2.062.974.917</u>	<u>4.711.183.583</u>

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.880.913.457	2.464.142.615
Chi phí đồ dùng văn phòng	246.403.825	64.189.319
Chi phí khấu hao tài sản cố định	727.563.811	623.681.367
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	7.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.160.366.698	4.705.133.283
Chi phí quản lý khác	829.625.761	639.379.906
Cộng	<u>8.847.873.552</u>	<u>8.503.526.490</u>

4.27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí nhân công	10.105.384.602	13.674.037.794
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.126.675.164	10.780.730.207
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.979.938.360	66.733.322.696
Chi phí bằng tiền khác	2.095.833.590	1.356.978.339
Cộng	<u>101.307.831.716</u>	<u>92.545.069.036</u>

4.28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	58.860.978.461	82.808.860.857
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	231.505.000	350.268.493
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(7.731.345.397)	(5.298.610.251)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	51.361.138.064	77.860.519.099
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	<u>10.272.227.613</u>	<u>15.572.103.820</u>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như:

- Khoản chi thực tế phát sinh không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;
- Khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế là lợi nhuận sau thuế được chia theo quy định của Luật thuế TNDN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.29. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	3.973.716.000	-

4.30. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(46.714.162.000)	(780.000.000)

4.31. Thông tin về các bên có liên quan

Danh sách các bên liên quan

- Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
- Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết với Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

- Công ty mẹ
 Công ty trong nội bộ tập đoàn
 Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu của khách hàng - Xem thêm mục 4.3:		
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi	7.933.275	8.017.800
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	67.414.725	38.326.050
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	-	135.838.920
Cộng	<u>75.348.000</u>	<u>182.182.770</u>
Trả trước cho người bán - Xem thêm mục 4.4:		
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi	310.000.000	-
Ký quỹ - Xem thêm mục 4.5:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	548.116.632	548.116.632
Phải trả người bán - Xem thêm mục 4.13:		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	2.473.191.884	2.372.831.139
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi	21.464.190	369.088.781
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	17.829.605	-
Cộng	<u>2.512.485.679</u>	<u>2.741.919.920</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG BÌNHĐịa chỉ: Số 1, Đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2,
Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ kế toán 06 tháng
kết thúc vào ngày 30/06/2018**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Cổ tức phải trả - Xem thêm mục 4.19:		
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	35.550.000.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	3.782.184.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	1.891.087.500	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	1.206.435.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	756.435.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Đồng Nai	63.036.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	63.036.000	-
Cộng	<u>43.312.213.500</u>	<u>-</u>
Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng - Xem thêm mục 4.23:		
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi	2.341.110.500	2.376.076.300
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	1.070.331.800	845.339.800
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	319.907.000	197.984.000
Công ty Cổ phần Bến xe và Dịch vụ Vận tải Đồng Nai	3.636.980	3.463.470
Cộng	<u>3.734.986.280</u>	<u>3.422.863.570</u>
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	29.554.637.202	30.555.294.580
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	626.212.000	626.212.000
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi	260.362.125	206.301.391
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	18.335.000	17.600.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	1.099.871.887	-
Cộng	<u>31.559.418.214</u>	<u>31.405.407.971</u>
Chia cổ tức:		
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	23.700.000.000	23.700.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	2.521.456.000	2.521.456.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	1.260.725.000	1.260.725.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	804.290.000	804.290.000
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	504.290.000	504.290.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Đồng Nai	42.024.000	42.024.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	42.024.000	42.024.000
Cộng	<u>28.874.809.000</u>	<u>28.874.809.000</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thù lao Hội đồng quản trị	294.000.000	234.000.000
Thu nhập của các nhân sự quản lý chủ chốt khác	2.024.532.175	1.420.705.089
Cộng	<u>2.318.532.175</u>	<u>1.654.705.089</u>

4.32. Thu nhập Ban kiểm soát

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền lương và thù lao	711.229.715	689.229.291

4.33. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.




Lương Minh Hiền
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 09 năm 2018


Lê Thị Ngọc Sáu
Kế toán trưởng


Nguyễn Huy Hoàng
Người lập